

Số: 22/BC-UBND

Viêng Lán, ngày 03 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả đóng góp ý kiến của nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VIỆC LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN

1. Kế hoạch triển khai

Căn cứ Nghị quyết số 170/NQ-CP ngày 31/12/2022 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Công văn số 219/UBND-TNMT ngày 08/02/2023 của UBND huyện Yên Châu về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

UBND xã Viêng Lán ban hành các văn bản triển khai cụ thể: Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 13/02/2023 về tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) trên địa bàn xã Viêng Lán; Thông báo số 17/TB-UBND ngày 13/02/2023 về việc niêm yết công khai Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Thông báo số 19/TB-UBND ngày 13/02/2023 về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi); Thông báo số 24/TB-UBND ngày 20/02/2023 về việc phân công tổ công tác triển khai lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) và tổ chức ký cam về công tác tài nguyên môi trường năm 2023 trên địa bàn xã Viêng Lán.

2. Kế hoạch và hoạt động triển khai

Ủy ban nhân dân xã chủ trì phối hợp với Ủy ban MTTQVN xã, Hội Nông dân xã tổ chức hội nghị lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi). Phân công tác tổ công tác phụ trách các bản để triển khai lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi).

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

Ủy ban nhân dân xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh của xã, bản; niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa các bản; đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã; tuyên truyền qua các nhóm zalo, viber.

4. Các hình thức, phương thức tổ chức lấy ý kiến

- Hội nghị cấp xã: Tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách.

- Hội nghị tại các bản: UBND xã chủ trì phối hợp với Hội Nông dân xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt nam xã tổ chức hội nghị lấy ý kiến đóng góp của toàn thể nhân dân các bản.

- Đăng tải trên trang thông tin điện của xã để lấy ý kiến.

5. Các đối tượng được lấy ý kiến

- Các tầng lớp nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã Viêng Lán.

- Cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã.

- Doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh đang sử dụng đất trên địa bàn xã Viêng Lán.

6. Việc tổng hợp, xử lý kết quả lấy ý kiến và xây dựng Báo cáo tổng hợp ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)

Đến nay, Ủy ban nhân dân xã Viêng Lán đã tiếp nhận Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) như sau:

- Ý kiến góp ý trên trang thông tin điện tử của xã: 0 lượt ý kiến góp ý.

- Ý kiến góp ý tại hội nghị cấp xã, bản: 20 lượt ý kiến góp ý.

Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành tổng hợp các ý kiến một cách trung thực, đầy đủ và khách quan. Theo kết quả tổng hợp, để góp ý cho dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức 05 cuộc hội nghị với hơn 400 lượt người tham gia; đã nhận được 20 lượt ý kiến góp ý của tổ chức, cá nhân; cụ thể như sau:

Chương I. Quy định chung: Có 01 lượt ý kiến góp ý.

Chương II. Quyền và trách nhiệm của Nhà nước, công dân đối với đất đai: Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương III. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất: Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương IV. Địa giới hành chính, điều tra cơ bản về đất đai: Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương V. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Có 03 lượt ý kiến góp ý.

Chương VI. Thu hồi đất, trưng dụng đất: Có 03 lượt ý kiến góp ý.

Chương VII. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: Có 01 lượt ý kiến góp ý.

Chương VIII. Phát triển quỹ đất: Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương IX. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: Có 04 lượt ý kiến góp ý.

Chương X. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Có 02 lượt ý kiến góp ý.

Chương XI. **Tài chính về đất đai, giá đất:** Có 04 lượt ý kiến góp ý.

Chương XII. **Hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai:** Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương XIII. **Chế độ sử dụng các loại đất:** Có 02 lượt ý kiến góp ý.

Chương XIV. **Thủ tục hành chính về đất đai:** Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương XV. **Giám sát; thanh tra, kiểm tra; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai:** Có 0 lượt ý kiến góp ý.

Chương XVI. **Điều khoản thi hành:** Có 0 lượt ý kiến góp ý.

II. VỀ KỸ THUẬT LẬP PHÁP

1. Về bố cục của dự thảo Luật

Nhất trí với nội dung dự thảo.

2. Về kỹ thuật soạn thảo

Nhất trí với nội dung dự thảo.

III. TỔNG HỢP GÓP Ý CỤ THỂ ĐỐI VỚI DỰ THẢO LUẬT ĐẤT ĐAI (SỬA ĐỔI)

1. Chương I. Quy định chung

1.1. Điều 5. Người sử dụng đất

Khoản 2. Hộ gia đình sử dụng đất gồm những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, có quyền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành (sau đây gọi là hộ gia đình).

- Đề nghị xem xét nội dung: có quyền sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành sẽ gây khó khăn cho việc xác định các thành viên trong hộ gia đình.

- Đề xuất bổ sung: Sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất. Vì để làm rõ hơn các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm có quyền sử dụng đất chung.

2. Chương II. Quyền và trách nhiệm của Nhà nước, công dân đối với đất đai

2.2. Mục 2 - Quản lý nhà nước về đất đai

3. Chương III. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

3.1. Mục 1 - Quy định chung

3.1.1. Điều 28. Quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất

Đề nghị bổ sung quy định: Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có nghĩa vụ cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Dự thảo không nên bỏ khoản 4 nêu trên tại Luật Đất đai năm 2013 vì đây là trách nhiệm ràng buộc của các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người dân có yêu cầu.

3.2. Mục 2 - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước sử dụng đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

3.3. Mục 3 - Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

3.4. Mục 4 - Quyền và nghĩa vụ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

3.5. Mục 5 - Điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất

3.5.1. Điều 49. Điều kiện thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất

Đề nghị bổ sung quy định: Tổ chức kinh tế, người hưởng lương từ ngân sách nhà nước không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho, nhận thừa kế đất trồng lúa. Vì sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc đảm bảo sản xuất cho nông dân. Bên cạnh đó sẽ tạo ra kẽ hở đầu cơ về đất.

4. Chương IV. Địa giới hành chính, điều tra cơ bản về đất đai

4.1. Mục 1 - Địa giới hành chính, bản đồ địa chính

Nhất trí với nội dung dự thảo.

4.2. Mục 2 - Điều tra, đánh giá đất đai

Nhất trí với nội dung dự thảo.

5. Chương V. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

5.1. Điều 68. Lấy ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Đề nghị xem xét bổ sung quy định về tỷ lệ bao nhiêu % ý kiến góp ý của người dân nằm trong vùng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tán thành với dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì xác định là đồng thuận và ngược lại.

5.2. Điều 71. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Đề nghị xem xét bổ sung nội dung trước khi trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì cơ quan lập quy hoạch phải thực hiện lấy ý kiến theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

- **Khoản 6.** Đề nghị xem xét thẩm quyền quyết định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Nên quy định thẩm quyền quyết định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thực hiện theo Điều 70 của Luật này.

5.3. Điều 73. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Cơ bản nhất trí với dự thảo, tuy nhiên tại điểm c khoản 2 đề nghị bổ sung thêm công khai trên trang thông tin điện tử cấp xã và tại nhà văn hóa các thôn, bản, làng, tiểu khu, tổ dân phố.

5.4. Điều 74. Tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Nhất trí với nội dung của dự thảo.

6. Chương VI. Thu hồi đất, trưng dụng đất

6.1. Điều 78. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Điểm h khoản 2: Dự án đô thị sử dụng các loại đất không phải là đất ở;

Đề xuất quy định rõ hơn về tiêu chí dự án đô thị.

6.2. Điều 85. Trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.

Điểm a, khoản 3: Đề xuất xem xét bổ sung thêm quy định về tỷ lệ bao nhiêu % ý kiến đồng ý với đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì được xem là đảm bảo để tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trình Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất.

6.3. Điều 89. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất

Cơ bản nhất trí với dự thảo.

Khoản 2. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm người có đất bị thu hồi có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ.

Đề xuất quy định rõ hơn tiêu chí về điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ. Vì mỗi một dân tộc có những phong tục tập quán khác nhau, nét văn hóa khác nhau vì vậy cần xác định cụ thể tiêu chí trên.

7. Chương VII. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất

7.1. Mục 1 - Bồi thường về đất, chi phí đầu tư còn lại vào đất

7.1.1. Điều 92. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

Khoản 3. Đối với đất nông nghiệp đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

nhưng không có Giấy chứng nhận hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 170 của Luật này.

Đề nghị bổ sung thêm quy định không thuộc các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai quy định tại khoản 1 Điều 80 của Luật này thì được bồi thường đối với diện tích đất thực tế đang sử dụng, diện tích được bồi thường không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 170 của Luật này.

7.2. Mục 2 - Bồi thường thiệt hại về tài sản, về sản xuất, kinh doanh.

Nhất trí với nội dung dự thảo.

7.3. Mục 3 - Hỗ trợ

Nhất trí với nội dung dự thảo.

7.4. Mục 4 - Tái định cư

Nhất trí với nội dung dự thảo.

8. Chương VIII. Phát triển quỹ đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

9. Chương IX. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

9.1. Mục 1 - Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

9.1.1. Điều 120. Cho thuê đất

Cơ bản nhất trí với dự thảo.

Tại điểm b khoản 3: Các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này mà có nhu cầu trả tiền thuê đất hàng năm.

Đề xuất nên bỏ quy định điểm b khoản 3: Vì tại khoản 2 đã quy định rõ “Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trong các trường hợp sau đây”. Nếu quy định điểm b khoản 3 thì sẽ mâu thuẫn với khoản 2.

9.1.2. Điều 122. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

9.2. Mục 2 - Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất và các trường hợp không đấu giá quyền sử dụng đất

9.2.1. Điều 125. Các trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu dự án có sử dụng đất

Cơ bản nhất trí với dự thảo.

Đề xuất bổ sung đối với trường hợp cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích mà thửa đất có diện tích

dưới 0,5ha. Vì các thửa đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thường diện tích rất nhỏ, manh mún, xen kẽ với các thửa đất khác.

Tại điều 173 của Luật này cũng đề nghị xem xét chỉ thực hiện cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích đối với thửa đất có diện tích từ 0,5ha trở lên.

9.2.2. Điều 126. Đấu giá quyền sử dụng đất

Cơ bản nhất trí với dự thảo.

Điểm b khoản 1 đề xuất bổ sung: Sử dụng quỹ đất do Nhà nước quản lý trừ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích mà thửa đất có diện tích dưới 0,5ha, quỹ đất được tạo lập từ dự án tạo quỹ đất do Nhà nước đầu tư, quỹ đất do Nhà nước thu hồi khi sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước để thực hiện dự án sử dụng đất vào mục đích cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, thương mại, dịch vụ;

9.2.3. Điều 127. Đấu thầu dự án có sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư

Nhất trí với nội dung dự thảo.

9.2.4. Điều 128. Sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư thông qua việc thỏa thuận về quyền sử dụng đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

10. Chương X. Đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

10.1. Mục 1 - Hồ sơ địa chính

10.1.1. Điều 131. Trách nhiệm lập, cập nhật, khai thác hồ sơ địa chính

Khoản 3. Đề xuất bổ sung cụm từ “hàng năm”: Cơ quan đăng ký đất đai có trách nhiệm thực hiện việc lập, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính và “hàng năm” cung cấp bản sao hồ sơ địa chính cho Ủy ban nhân dân cấp xã để sử dụng, cung cấp thông tin từ hồ sơ địa chính theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

10.2. Mục 2 - Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Nhất trí với nội dung dự thảo.

10.3. Mục 3 - Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

10.3.1. Điều 143. Nguyên tắc, thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Khoản 5. Đề xuất bổ sung cụm từ: “Trường hợp các thành viên có chung quyền sử dụng đất của hộ gia đình có nhu cầu thì cấp một Giấy chứng nhận ghi tên đại diện hộ gia đình trên Giấy chứng nhận và trao cho người đại diện hộ gia đình”.

Vì Giấy chứng nhận ghi tên đại diện hộ gia đình thì sẽ làm khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước khi xác định các thành viên có chung quyền sử dụng đất khi

thực hiện các giao dịch liên quan đến quyền của người sử dụng đất vì có thể 10 năm, 20 năm sau hoặc lâu hơn nữa thì người sử dụng đất mới thực hiện các giao dịch.

11. Chương XI. Tài chính về đất đai, giá đất

11.1. Mục 1 - Tài chính về đất đai

11.1.1. Điều 150. Căn cứ, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Khoản 3. Đề xuất thêm từ “giao”: Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước “giao” quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất .

Vì để đảm bảo cho tổ chức, cá nhân khi nhận được quyết định thì mới được tính từ thời điểm đó để tính thu tiền sử dụng đất.

11.1.2. Điều 152. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Điểm c khoản 1. Đề xuất bổ sung cụm từ: *“đã được Nhà nước giao đất nhưng thiếu đất sản xuất”*.

c. Sử dụng đất sản xuất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân là dân tộc thiểu số “đã được Nhà nước giao đất nhưng thiếu đất sản xuất”.

Đề phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 17.

11.2. Mục 2 - Giá đất

11.2.1. Điều 153. Nguyên tắc, phương pháp định giá đất

Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo.

Tuy nhiên cần xem xét việc định giá đất tại điểm a khoản 1: Theo mục đích sử dụng đất định giá

Đề xuất cần xem xét thêm yếu tố định giá đất theo mục đích sử dụng đất khi đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Vì khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt thì giá trị thửa đất sẽ thay đổi phù hợp với giá trị thị trường.

11.2.2. Điều 154. Bảng giá đất

Nhất trí với dự thảo: Bảng giá đất được xây dựng định kỳ hàng năm được công bố công khai và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm.

12. Chương XII. Hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai

Nhất trí với nội dung dự thảo.

13. Chương XIII. Chế độ sử dụng các loại đất

13.1. Mục 1 - Thời hạn sử dụng đất

13.1.1. Điều 166. Đất sử dụng có thời hạn

Khoản 1. Đề xuất văn quy định: Khi hết thời hạn, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp phải thực hiện thủ tục xin gia hạn trước khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

13.2. Mục 2 - Chế độ sử dụng đất

13.2.1. Điều 171. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân

Nhất trí với nội dung dự thảo.

13.2.2. Điều 173. Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích

Khoản 3. Đối với diện tích đất chưa sử dụng vào các mục đích quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để cho thuê. Thời hạn sử dụng đất đối với mỗi lần thuê không quá 05 năm tùy theo mục đích sử dụng đất.

- Đề nghị xem xét đối với diện tích đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích không đưa vào hình thức đấu giá để cho thuê. Vì diện tích từng thửa đất này rất nhỏ có thể chỉ vài chục mét vuông và mảnh mún, xen kẹt với các thửa đất khác của hộ gia đình, cá nhân, do đó khi thực hiện đấu giá thì tính khả thi không cao. Chỉ nên quy định đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thì UBND cấp xã thành lập tổ tư vấn từ 5 đến 7 thành viên xây dựng giá đất trình UBND cấp huyện phê duyệt giá, khi đã được UBND cấp huyện phê duyệt giá thì UBND cấp xã thông báo để hộ gia đình cá nhân tại địa phương đăng ký thuê.

- Nếu vẫn đề quy định phải thực hiện đấu giá thì nên áp dụng đối với thửa đất có diện tích từ 0,5ha trở lên.

- Bên cạnh đó tại Điều 125 quy định: Các trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu dự án có sử dụng đất

Điểm n, khoản 2 quy định: Giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định của Chính phủ.

13.2.3. Điều 175. Đất do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý, sử dụng

Nhất trí với nội dung dự thảo.

14. Chương XIV. Thủ tục hành chính về đất đai

Nhất trí với nội dung dự thảo.

15. Chương XV. Giám sát; thanh tra, kiểm tra; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

15.1. Mục 1 - Giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai

Nhất trí với nội dung dự thảo.

15.2. Mục 2 - Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo

Nhất trí với nội dung dự thảo.

15.3. Mục 3 - Xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Nhất trí với nội dung dự thảo.

16. Chương XVI. Điều khoản thi hành

Nhất trí với nội dung dự thảo.

17. Các ý kiến về nội dung khác (nếu có)

Những điều khoản áp dụng của Luật cần được quy định cụ thể, chi tiết hơn, nhất là các vấn đề về đối tượng cho tặng đất đai, giá đất, tranh chấp đất đai, cơ chế thực hiện dự án, đấu thầu, đấu giá, bồi thường tái định cư, phát triển quỹ đất, phân cấp trong thẩm định giá, nhằm tạo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng khi Luật Đất đai (sửa đổi) được ban hành.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến góp ý của nhân dân đối với dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) của Ủy ban nhân dân xã Viêng Lán./.

Nơi nhận:

- Phòng TN- MT;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó CT UBND xã;
- Bí thư, trưởng ban các ban;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh